



TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

**PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG
VÀ PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN
THỰC HÀNH LÁI XE
MÔ TÔ HẠNG A1, A2, A3
MÁY KÉO NHỎ HẠNG A4**

Hà Nội, Năm 2014

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Phương pháp hướng dẫn thực hành lái xe mô tô hạng A1, A2 trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp sư phạm nhằm mục tiêu giúp giáo viên dạy thực hành lái xe truyền đạt hiệu quả nhất những kiến thức về thực hành lái xe đến học viên.

Tài liệu được biên soạn dùng để tập huấn giáo viên dạy lái xe mô tô hạng A1, A2.

Trong quá trình biên soạn chắc chắn không tránh khỏi sai sót, rất mong được đóng góp ý kiến để hoàn thiện. Ý kiến đóng góp xin gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Ô D20 Khu đô thị mới Cầu Giấy – Hà Nội.

TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

PHẦN 1: LÝ THUYẾT PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM

1. Giao tiếp sư phạm

1.1 Khái niệm về giao tiếp sư phạm

Giao tiếp sư phạm là sự tiếp xúc tâm lý giữa người dạy (giáo viên, giảng viên) và người học (học sinh, sinh viên) diễn ra trong các hoạt động sư phạm với mục đích là hình thành nhân cách người học.

Các hoạt động diễn ra trong nhà trường chính là các hoạt động dạy học và giáo dục. Nhà giáo dục tổ chức các hoạt động để người học lĩnh hội các tri thức, kỹ năng kỹ xảo và rèn luyện những phẩm chất tâm lý cần thiết đủ để đáp ứng các yêu cầu của xã hội đối với vị trí của họ sau này. Như vậy, giao tiếp sư phạm là điều kiện để thực hiện hoạt động cùng nhau của người dạy và người học. Nếu không có giao tiếp giữa người dạy và người học thì không có hoạt động sư phạm.

1.2 Đặc trưng trong giao tiếp sư phạm

Giao tiếp sư phạm có thể diễn ra trong quan hệ người dạy - người học, người học với người học, người dạy với người dạy Song, hoạt động sư phạm diễn ra chủ yếu giữa người dạy và người học.

a) Trong giao tiếp sư phạm nhân cách của người dạy có tác động mạnh đến người học:

Người dạy không chỉ giao tiếp với người học qua nội dung các bài giảng mà còn ảnh hưởng đến người học bởi chính nhân cách của mình. Sức ảnh hưởng đó rất mạnh vì cường độ quan hệ giữa người dạy và người học là rất lớn. Khi người học đã tin vào các tri thức mà họ tiếp thu được từ người dạy sẽ làm tiền đề cho sự tin tưởng vào các hoạt động khác từ phía người dạy và người học sẽ lấy người dạy là tấm gương noi theo. Vì thế, trong giao tiếp sư phạm, người dạy phải là người mẫu mực. Lời nói và việc làm của người dạy phải thống nhất với nhau, để người học không bị lúng túng khi lựa chọn làm theo mà tin tưởng chắc chắn vào tấm gương của mình.

b) Giao tiếp sư phạm phải khéo léo, đúng mực, đảm bảo sự bình đẳng và có sự đồng cảm sâu sắc với người học

Trên nguyên tắc tôn trọng nhân cách người học, người dạy kích thích người học tích cực tự giác học tập, sự nhiệt huyết của người dạy sẽ ảnh hưởng đến tính

tự giác và hứng thú học tập của người học. Người dạy phải khéo léo trong quan hệ với người người học, với tập thể người học, sự khéo léo sẽ giúp cho người dạy xây dựng được quan hệ thân thiện với người học, từ đó giúp cho việc lĩnh hội bài giảng nhẹ nhàng và đạt hiệu quả, các tác động giáo dục đến với người học tự nhiên và được tự giác chấp nhận. Điều quan trọng là người dạy luôn chân thành và thẳng thắn với người học, gần gũi với người học nhưng không bao giờ để mất vị thế người dạy để đảm bảo cái uy của người thầy.

1.3 Các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp

a) Yếu tố con người

Trong giao tiếp sư phạm đó là người dạy và người học. Cả người dạy và người học đều mang vào quá trình giao tiếp những đặc điểm riêng về hiểu biết, khả năng nhận thức, quan điểm, kinh nghiệm, đặc điểm cảm xúc và các cá tính... của bản thân. Những đặc điểm đó chi phối rất nhiều đến quá trình giao tiếp. Do vậy, hiểu người học trong quá trình giao tiếp sư phạm là điều cần thiết để giao tiếp thành công và cũng để tạo nên sự thích ứng giữa người dạy với người học, làm cho hoạt động sư phạm đạt được mục đích đã vạch ra.

b) Mục đích giao tiếp sư phạm

Giao tiếp sư phạm có mục đích xác định đó là để thực hiện các hoạt động sư phạm nhằm giáo dục người học. Khi bước vào giao tiếp sư phạm, người dạy phải xác định rõ mục đích giao tiếp của mình để điều khiển quá trình giao tiếp nhằm đạt mục đích ấy một cách tốt nhất, không để các tác động khác ảnh hưởng đến mục đích hoạt động sư phạm.

c) Nội dung giao tiếp

Thông tin cần truyền đạt cho người học đã được người dạy chuẩn bị. Đó là các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết theo từng môn học, bài học; những yêu cầu cần rèn luyện cho người học về mặt đạo đức... . Trong quá trình giao tiếp, người dạy phải làm cho người học hiểu đúng các nội dung đó và tổ chức quá trình giao tiếp sao cho người học lĩnh hội các nội dung đó hiệu quả nhất. Muốn vậy, người dạy phải có kỹ năng dạy, người học phải có kỹ năng học tương ứng, phù hợp với yêu cầu của hoạt động dạy.

d) Phương tiện giao tiếp

Ngôn ngữ, điệu bộ cử chỉ, các phương tiện kỹ thuật thông tin là những phương tiện để thực hiện giao tiếp sư phạm. Mỗi phương tiện có đặc điểm riêng

và hiệu quả sử dụng khác nhau. Với người thầy ngôn ngữ là phương tiện quan trọng, nhưng không thể phủ nhận vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ.

e) Hoàn cảnh giao tiếp

Bao gồm các yếu tố không gian, thời gian, môi trường sư phạm ... trong giao tiếp sư phạm các yếu tố này đã được xác định theo thời khoá biểu và kế hoạch hoạt động của nhà trường. Môi trường sư phạm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả giao tiếp. Người dạy được hành nghề trong môi trường sư phạm thuận lợi như: không gian yên tĩnh, môi trường trong sạch không bị những tác động xấu của xã hội xâm nhập sẽ tác động đến người học hiệu quả hơn.

f) Quan hệ giao tiếp

Đó là tương quan về vai trò, vị trí, tuổi tác, nghề nghiệp giữa những người giao tiếp. Trong giao tiếp sư phạm, người dạy có vị thế cao hơn người học nên quan hệ khó có thể bình đẳng. Nhưng nếu người dạy tạo ra không khí thân mật, xoá đi rào cản tâm lý ngần ngại, sợ thầy thì giao tiếp sư phạm đạt kết quả tốt. Theo quan điểm ngày nay, người học là khách hàng của người dạy, thì người dạy phải tiếp cận để hiểu khách hàng muốn gì, cần gì. Có như vậy, dạy học mới hiệu quả và giao tiếp trở nên thoải mái hơn, hiệu quả hơn và làm cho người học bộc lộ rõ nhu cầu, mong muốn của mình làm cho người dạy hiểu được người học. Do đó, quan hệ tốt giữa người dạy và người học làm cho giao tiếp thêm hiệu quả.

1.4 Văn hóa giao tiếp

a) Khái niệm

Văn hoá giao tiếp là *Hệ thống những qui tắc, những chuẩn mực văn hoá, đạo đức, lối sống, phong tục, tập quán và truyền thống văn hoá chung của một cộng đồng được biểu hiện ra trong quan hệ người với người.*

Ngắn gọn hơn văn hoá giao tiếp chính là những qui tắc, chuẩn mực giao tiếp phù hợp với nội dung của văn hoá cộng đồng. Các chuẩn mực và qui tắc này không hẳn được viết thành văn mà có thể là các chuẩn mực, qui tắc bất thành văn được mọi người thừa nhận và chấp hành.

b) Biểu hiện của văn hoá giao tiếp

Văn hoá giao tiếp của cá nhân biểu hiện tập trung ở lối sống, phong cách giao tiếp, cách nói năng, cách xử thế trong các mối quan hệ... của cá nhân đó đối với các cá nhân khác phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa.

1.5 Kỹ năng giao tiếp sư phạm

a) Kỹ năng định hướng giao tiếp

Đây là kỹ năng đầu tiên để người dạy có thể giao tiếp hiệu quả với người học. Kỹ năng định hướng là khả năng dựa vào sự biểu cảm bên ngoài của người học để phán đoán bản chất bên trong của người học cũng như mối quan hệ giữa người dạy và người học. Kỹ năng này gồm hai kỹ năng thành phần:

Kỹ năng đọc nét mặt, cử chỉ, hành vi lời nói: Nhờ tri giác các trạng thái tâm lý thể hiện qua nét mặt, cử chỉ, âm điệu, ngữ điệu của lời nói mà người dạy phát hiện đúng và đầy đủ thái độ của người học.

Kỹ năng chuyển từ sự tri giác bên ngoài vào nhận biết bản chất bên trong: Sự biểu hiện các trạng thái tâm lý của con người qua ngôn ngữ và điệu bộ là rất phức tạp vì cùng một trạng thái xúc cảm lại có thể được biểu lộ ra bằng ngôn ngữ và điệu bộ khác nhau và ngược lại. Kết thúc giai đoạn định hướng là lúc người dạy phác thảo được chân dung tâm lý của người học hoặc tập thể lớp. Việc phác thảo chân dung tâm lý người học càng đúng, càng chính xác thì hoạt động sư phạm càng đạt hiệu quả cao.

b) Kỹ năng nhận biết những dấu hiệu bên ngoài của người học

Kỹ năng này giúp người dạy hiểu được người học thông qua các dấu hiệu bên ngoài. Đây là kỹ năng nhận biết hai nhóm dấu hiệu:

Những dấu hiệu bên ngoài có thể nhận biết bằng nhận thức cảm tính như: Dáng người, trang phục, giới tính, tuổi tác, phong cách giao tiếp nói chung.

Những dấu hiệu bên ngoài có tính tổng quát như: Tính cách, trạng thái cảm xúc, năng lực, tính khí ... những dấu hiệu này không thể nhận thức được bằng nhận thức cảm tính mà bằng sự cảm nhận của kinh nghiệm, bằng tổng giác, đôi khi cả bằng trực giác tham gia.

Đây là kỹ năng quan trọng phải được rèn luyện trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Muốn có kỹ năng này phải rèn luyện nhiều năm và phải tâm huyết với nghề và chú tâm rèn luyện thực sự.

c) Kỹ năng định vị

Kỹ năng định vị thực chất là khả năng xác định đúng vị trí của mỗi người trong giao tiếp mà ở đây là xác định vị trí của người dạy và người học. Muốn vậy người dạy phải xác định rõ người học là ai, là người như thế nào hay phải làm rõ mô hình nhân cách của người học. Mô hình này đã được phác thảo trong

kỹ năng định hướng nhưng cần được chính xác hoá trong giai đoạn này để người dạy có hành vi ứng xử phù hợp hơn với nhu cầu, nguyện vọng đặc điểm tâm lý và hoàn cảnh của người học.

Để có kỹ năng định vị người dạy phải rèn luyện nhiều trong hoạt động sư phạm. Phải tiếp xúc rất nhiều lần với người học mới có thể có được chân dung tâm lý đúng về họ. Như vậy, người dạy phải tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn giáo dục.

d) Kỹ năng điều chỉnh, điều khiển quá trình giao tiếp sư phạm

Việc điều khiển, điều chỉnh quá trình giao tiếp diễn ra rất phức tạp vì có rất nhiều thành phần tâm lý tham gia, trước hết là hoạt động nhận thức, tiếp theo là trạng thái cảm xúc rồi đến hành vi ứng xử. Nghĩa là người dạy phải biết nhìn, biết nghe các biểu cảm của người học. Kỹ năng này gồm các kỹ năng thành phần sau:

+ Kỹ năng quan sát bằng mắt: Cần phát hiện bằng mắt những thay đổi về cử chỉ, điệu bộ, nét mặt của người học, từ đó người dạy có những tác động điều khiển, điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của người học.

+ Kỹ năng nghe người học nói: Người dạy biết tập trung ý thức hoặc phân phối chú ý đúng mức để nghe rõ người học nói những gì.

+ Kỹ năng xử lý thông tin: Khi đã tiếp thu được thông tin, người dạy phải xử lý được các thông tin đó, để hiểu thông tin đó như thế nào, sử dụng vào việc gì và phản ứng như thế nào với thông tin đó

+ Kỹ năng điều khiển, điều chỉnh quá trình giao tiếp: Là kỹ năng phức hợp dựa trên ba kỹ năng nêu trên, kỹ năng này đưa quá trình giao tiếp sư phạm đạt tới mục đích mong muốn.

e) Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp:

Trong giao tiếp sư phạm người dạy sử dụng hai phương tiện giao tiếp là phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ. Khi trình giảng giáo viên phải làm chủ được các phương tiện giao tiếp của mình mới có thể thu được hiệu quả mong đợi.

+ Việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ: Khi sử dụng ngôn ngữ, người dạy thường sử dụng cả hai dạng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Khi nói người dạy phải biến ngôn ngữ viết trong giáo trình, tài liệu thành ngôn ngữ nói sao cho người học thuận lợi trong lĩnh hội tri thức.

+ Việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: Hành vi, cử chỉ của người dạy phải phù hợp với nhân cách mẫu mực của nhà giáo. Các thành phần phi ngôn ngữ phải hài hòa phù hợp với người học, tình huống, nội dung và mục đích giao tiếp. Khi sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ cần tự nhiên, chân thành, đúng với bản chất nhà giáo. Biết cách biểu cảm đúng với thiện chí của người dạy dành cho người học. Trang phục của người dạy phù hợp với yêu cầu của hoạt động sư phạm.

Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật. Biết sử dụng phương tiện giao tiếp chính là một điều kiện làm chủ quá trình giao tiếp sư phạm để quá trình giao tiếp sư phạm đạt hiệu quả cao, hoàn thành chức năng của nó trong hoạt động sư phạm.

2. Ứng dụng phương pháp dạy học tích hợp trong đào tạo lái xe mô tô hạng A1, A2

2.1 Khái niệm

Khái niệm tích hợp sử dụng trong phạm vi sư phạm học mang hàm nghĩa đề cập tới phương pháp sư phạm nhằm hướng tới nhiều mục đích trong hoạt động.

Bản chất của tổ chức dạy tích hợp là tổ chức dạy học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong cùng một không gian và thời gian. Điều này có nghĩa khi dạy một kỹ năng nào đó, phần kiến thức chuyên môn đến đâu sẽ được dạy đến đó và được thực hành để luyện tập ngay. Cả hai hoạt động này được thực hiện tại cùng một địa điểm. Như vậy, về cơ sở vật chất, phòng dạy tích hợp sẽ có những đặc điểm khác so với phòng chuyên dạy lý thuyết hoặc chuyên dạy thực hành theo cách dạy chuyên thống.

2.2 Đặc điểm của dạy học tích hợp

a) Lấy người học làm trung tâm

Dạy học lấy người học làm trung tâm được xem như là một phương pháp đáp ứng yêu cầu cơ bản của mục tiêu giáo dục, có khả năng định hướng việc tổ chức quá trình dạy học thành quá trình tự học, quá trình cá nhân hóa người học. Dạy học lấy người học làm trung tâm đòi hỏi người học là chủ thể của hoạt động học, họ phải tự học, tự nghiên cứu để tìm ra kiến thức bằng hành động của chính mình, người học không chỉ đặt trước những kiến thức có sẵn ở trong bài giảng

của thầy mà phải tự đặt mình và tình huống có vấn đề của thực tiễn rồi từ đó tự mình tìm ra cái chưa biết, cái cần khám phá học để hành, hành để học tức là sự tìm kiếm kiến thức cho bản thân. Dạy học tích hợp biểu hiện cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, đây là xu hướng chung có nhiều ưu thế so với dạy học truyền thống.

b) Dạy và học các năng lực thực hiện.

Dạy học tích hợp có thể hiểu là một hình thức dạy học kết giữa dạy lý thuyết và dạy thực hành, qua đó ở người học hình thành một năng lực nào đó hay kỹ năng hành nghề nhằm đáp ứng được mục tiêu của môn học. Dạy học phải làm cho người học có năng lực tương ứng với chương trình. Do vậy, việc dạy kiến thức lý thuyết không phải ở mức độ hàn lâm mà chỉ ở mức độ cần thiết nhằm hỗ trợ cho sự phát triển các năng lực thực hành ở mỗi người học. Hơn nữa việc dạy lý thuyết thuần túy sẽ dẫn đến tình trạng lý thuyết suông, kiến thức sách vở không mang lại lợi ích thực tiễn do đó, cần gắn lý thuyết với thực hành trong quá trình dạy học.

Thực hành là hình thức luyện tập để trau dồi kỹ năng, kỹ xảo hoạt động giúp cho người học để hiểu rõ và nắm vững kiến thức lý thuyết. Đây là khâu cơ bản để thực hiện nguyên lý giáo dục lý thuyết đi đôi với thực hành, lý luận gắn với thực tiễn.

Thực hành phải có đủ phương tiện, kế hoạch, quy trình luyện tập gắn ngay với vấn đề lý thuyết vừa học. Có tổ chức thực tập ngay như vậy, người học mới nắm chắc lý thuyết hơn, vận dụng lý thuyết để rèn luyện kỹ năng, có được thao tác chuẩn xác, không có động tác thừa.

Để hình thành cho người học một kỹ năng thì cần phải dạy cho họ biết cách kết hợp và huy động hợp lý các nguồn nội lực (kiến thức, khả năng thực hiện và thái độ) và ngoại lực (tất cả những gì có thể huy động được nằm ngoài cá nhân). Như vậy, người dạy phải định hướng, giúp đỡ, tổ chức, điều chỉnh và động viên hoạt động của người học.

Sự định hướng của người dạy góp phần tạo ra môi trường sư phạm bao gồm các yếu tố cần có đối với sự phát triển của người học mà mục tiêu bài học đặt và cách giải quyết chúng. Người dạy vừa có sự trợ giúp vừa có sự định hướng để giảm bớt những sai lầm cho người học ở phần thực hành. Đồng thời kích thích, động viên người học nảy sinh nhu cầu, động cơ hứng thú để tạo ra

kết quả mới tức là chuyên môn hóa những kinh nghiệm đó thành sản phẩm của bản thân.

Người học được đặt vào những tình huống của giao thông thực tế, họ phải trực tiếp quan sát, thảo luận, làm bài tập, giải quyết nhiệm vụ đặt ra theo cách nghĩ của mình, tự lực tìm kiếm nhằm khám phá những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được giáo viên sắp xếp. Người học cần phải tiếp nhận đối tượng qua các phương tiện nghe, nhìn... và phân tích đối tượng nhằm bộc lộ và phát hiện ra mối quan hệ bản chất, tất yếu của các sự vật, hiện tượng. Đây là hành động quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với người học nhất là đối với dạy tích hợp người học cần phải học được cách hành động thực tiễn trên cơ sở tiếp nhận và phân tích nó. Từ đó, người học vừa nắm được kiến thức vừa nắm được phương pháp thực hành. Như vậy, người dạy không chỉ đơn thuần truyền đạt kiến thức mà còn hướng dẫn các thao tác xử lý tình huống.

Bất cứ một hoạt động nào cũng cần có sự kiểm soát, trong dạy học cũng vậy người dạy cũng cần có sự kiểm soát, củng cố nhận thức đúng, uốn nắn những nhận thức chưa đúng việc kiểm soát sự thực hiện qua thông tin, tự đánh giá...điều chỉnh. Việc đánh giá và xác nhận các năng lực phải theo các quan điểm người học phải thực hành được các công việc giống như người công nhân thực hiện trong thực tế. Việc đánh giá riêng từng người khi họ hoàn thành công việc, đánh giá không phải là đem so sánh người học này với người học khác mà đánh giá dựa trên tiêu chuẩn.

2.3 Các điều kiện cơ bản để tiến hành tổ chức giảng dạy tích hợp

a) Về cơ sở vật chất:

Bản chất của tổ chức dạy học tích hợp là tổ chức dạy học kết hợp giữa dạy lý thuyết và dạy thực hành trong cùng một không gian (cùng trong một địa điểm tổ chức dạy và học) và trong cùng một thời gian (cùng tiến hành trong thời gian dạy từng kỹ năng). Điều này, có nghĩa là khi dạy một kỹ năng nào đó phần kiến thức chuyên môn liên quan đến đâu sẽ được dạy đến đó, sau đó dạy thực hành ngay kỹ năng đó, cả hai hoạt động này được thực hiện tại cùng một địa điểm (sau đây gọi là Phòng dạy học tích hợp). Như vậy, Phòng dạy học tích hợp sẽ có những đặc điểm khác so với Phòng chuyên dạy lý thuyết hoặc Phòng chuyên dạy thực hành. Cụ thể như sau:

+ *Phải đáp ứng điều kiện dạy được cả lý thuyết và thực hành*: Hiện tại chưa có chuẩn quy định về loại phòng này. Tuy nhiên, do đặc điểm của việc tổ chức dạy học tích hợp cho nên phòng học phải có chỗ để học lý thuyết đồng thời cũng phải có chỗ để bố trí thiết bị thực hành. Vì vậy, diện tích phòng dạy học tích hợp phải đủ lớn để kê bàn ghế học lý thuyết, lắp đặt các thiết bị hỗ trợ giảng dạy lý thuyết, lắp đặt đủ các thiết bị thực hành cho học sinh....

b) Về đội ngũ giáo viên:

Như đã nói ở trên giảng dạy tích hợp là dạy kết hợp cả lý thuyết và thực hành, do vậy giáo viên phải đảm bảo dạy được cả lý thuyết và thực hành lái xe.

c) Tổ chức đánh giá bài giảng tích hợp

Như đã nói ở trên, dạy học tích hợp là hình thức dạy học kết hợp giữa dạy lý thuyết và dạy thực hành. Do vậy, khi đánh giá bài giảng tích hợp về nguyên tắc cũng được tích hợp trên cơ sở cách đánh giá bài giảng Lý thuyết và cách đánh giá bài giảng Thực hành với nhau, đảm bảo được tính logic, khoa học và thực tiễn. Thông thường được đánh giá theo các nội dung sau:

- Đánh giá công tác Chuẩn bị bài giảng;
- Đánh giá về năng lực sư phạm;
- Đánh giá về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng);
- Đánh giá về thời gian thực hiện bài giảng.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị dạy học hiện đại trong đào tạo lái xe mô tô hạng A1, A2

3.1 Khái niệm giáo án điện tử

- Giáo án (hay bài soạn): là bản thiết kế cách thức thực hiện bài học do GV thực hiện nhằm tiến hành hoạt động dạy học trong khuôn khổ của một bài học. Giáo án được trình bày bằng các phương tiện khác nhau như: giấy, bút, thước, dùng tay hoặc computer.

- Giáo án điện tử (GAĐT): là văn bản thể hiện thiết kế dạy học (bài học) được tạo ra bằng các công cụ phần mềm, có nội dung và cấu trúc số hóa và được thực hiện trong dạy học thông qua máy tính, các tiện ích của máy tính và của mạng truyền thông điện tử.

- Bài học điện tử: là bài học có nội dung và hình thức thể hiện cũng như phương thức thực hiện nó phải dựa vào các nguồn và công cụ điện tử.

- Thiết bị dạy học điện tử: là thiết bị dạy học được tạo ra nhờ ứng dụng CNTT.

3.2 Khái niệm bài giảng điện tử

- Bài giảng điện tử là một hình thức tổ chức bài lên lớp mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều thực hiện thông qua môi trường Multimedia do máy tính tạo ra.

- Multimedia được hiểu là đa phương tiện, đa môi trường, đa truyền thông. Thông tin được truyền dưới các dạng: Văn bản (Text), đồ hoạ (Graphics), ảnh động (animation), ảnh tĩnh (image), âm thanh (audio) và phim video (video clip).

- Đặc trưng cơ bản nhất của bài giảng điện tử là toàn bộ kiến thức của bài học, mọi hoạt động điều khiển của giáo viên đều được Multimedia hoá.

3.3 Quy trình thiết kế bài giảng điện tử

Bài giảng điện tử có thể được xây dựng theo quy trình gồm 6 bước sau:

- Xác định mục tiêu bài học

Trong phương pháp dạy học lấy sinh viên làm trung tâm, mục tiêu phải được chỉ rõ khi học xong bài, học viên đạt được cái gì. Mục tiêu ở đây là mục tiêu học tập, chứ không phải là mục tiêu giảng dạy, tức là chỉ ra sản phẩm mà sinh viên có được sau bài học. Đọc kỹ sách giáo trình, kết hợp với các tài liệu tham khảo để tìm hiểu nội dung của mỗi mục trong bài và cái đích cần đạt tới của mỗi mục. Trên cơ sở đó xác định đích cần đạt tới của cả bài về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đó chính là mục tiêu của bài.

- Lựa chọn kiến thức cơ bản, xác định đúng những nội dung trọng tâm

Cần bám sát vào chương trình dạy học và giáo trình môn học. Đây là điều bắt buộc tất yếu vì giáo trình là tài liệu giảng dạy và học tập chủ yếu; chương trình là pháp lệnh cần phải tuân theo.

Tuy nhiên, để xác định được đúng kiến thức cơ bản mỗi bài thì cần phải đọc thêm tài liệu, sách báo tham khảo để mở rộng hiểu biết về vấn đề cần giảng dạy và tạo khả năng chọn đúng kiến thức cơ bản.

Việc chọn lọc kiến thức cơ bản của bài dạy học có thể gắn với việc sắp xếp lại cấu trúc của bài để làm nổi bật các mối liên hệ giữa các hợp phần kiến thức của bài, từ đó rõ thêm các trọng tâm, trọng điểm của bài.

- Multimedia hoá từng đơn vị kiến thức

Đây là bước quan trọng cho việc thiết kế bài giảng điện tử, là nét đặc trưng cơ bản của bài giảng điện tử để phân biệt với các loại bài giảng truyền thống, hoặc các loại bài giảng có sự hỗ trợ một phần của máy vi tính. Việc multimedia hoá kiến thức được thực hiện qua các bước:

- + Dữ liệu hoá thông tin kiến thức
- + Phân loại kiến thức được khai thác dưới dạng văn bản, bản đồ, đồ hoạ, ảnh tĩnh, phim, âm thanh...
- + Tiến hành sưu tập hoặc xây dựng mới nguồn tư liệu sẽ sử dụng trong bài học. Nguồn tư liệu này thường được lấy từ một phần mềm dạy học nào đó hoặc từ internet, ... hoặc được xây dựng mới bằng đồ hoạ, bằng ảnh quét, ảnh chụp, quay video, bằng các phần mềm đồ hoạ chuyên dụng như Macromedia Flash...
- + Chọn lựa các phần mềm dạy học có sẵn cần dùng đến trong bài học để đặt liên kết.
- + Xử lý các tư liệu thu được để nâng cao chất lượng về hình ảnh, âm thanh. Khi sử dụng các đoạn phim, hình ảnh, âm thanh cần phải đảm bảo các yêu cầu về mặt nội dung, phương pháp, thẩm mỹ và ý đồ sư phạm.

- Xây dựng thư viện tư liệu

Sau khi có được đầy đủ tư liệu cần dùng cho bài giảng điện tử, phải tiến hành sắp xếp tổ chức lại thành thư viện tư liệu, tức là tạo được cây thư mục hợp lý. Cây thư mục hợp lý sẽ tạo điều kiện tìm kiếm thông tin nhanh chóng và giữ được các liên kết trong bài giảng đến các tập tin âm thanh, video clip khi sao chép bài giảng từ ổ đĩa nay sang ổ đĩa khác, từ máy này sang máy khác.

- Lựa chọn ngôn ngữ hoặc các phần mềm trình diễn để xây dựng tiến trình dạy học thông qua các hoạt động cụ thể

Sau khi đã có các thư viện tư liệu, giáo viên cần lựa chọn ngôn ngữ hoặc các phần mềm trình diễn thông dụng để tiến hành xây dựng giáo án điện tử.

Trước hết cần chia quá trình dạy học trong giờ lên lớp thành các hoạt động nhận thức cụ thể. Dựa vào các hoạt động đó để định ra các slide (trong PowerPoint) hoặc các trang trong Frontpage. Sau đó xây dựng nội dung cho các trang (hoặc các slide). Tùy theo nội dung cụ thể mà thông tin trên mỗi trang/slide có thể là văn bản, đồ hoạ, tranh ảnh, âm thanh, video clip...

Hiện nay để xây dựng bài giảng điện tử ta có thể áp dụng các phần mềm căn bản sau:

- + Microsoft PowerPoint
- + Macromedia Flash
- + Frontpage
- + LectureMaker
- +.....

- Chạy thử chương trình, sửa chữa và hoàn thiện.

Sau khi thiết kế xong, phải tiến hành chạy thử chương trình, kiểm tra các sai sót, đặc biệt

3.4 Hiệu quả của giáo án điện tử

Việc sử dụng công nghệ hiện đại đòi hỏi người giáo viên phải có kỹ năng thiết kế giáo án và sử dụng những phương pháp truyền đạt mới. Thay vì phấn trắng bảng đen truyền thống, việc ứng dụng công nghệ thông tin làm cho bài giảng được thực hiện một cách sinh động, gây hứng thú và phát huy được tính tích cực của cả giáo viên và học sinh. Ứng dụng CNTT trong dạy học đã thực sự đi vào các trường học.

Cái được lớn nhất ở mỗi tiết giảng bằng giáo án điện tử chính là mang lại một lượng lớn kiến thức, hình ảnh trực quan sinh động được chuyển tải đến người học. Việc thiết kế giáo án và giảng dạy trên máy tính bằng những hình ảnh tư liệu, sơ đồ, lược đồ, đoạn phim minh họa giúp bài giảng thu hút được sự chú ý và tạo hứng thú cho học sinh. Ví dụ tiết học kỹ thuật lái và thực hành lái xe ... giáo viên có thể sử dụng hình ảnh, phim tư liệu... để minh họa, chắc chắn sẽ tạo được ấn tượng mạnh mẽ cho các học viên. Chính những điều này sẽ thổi một luồng gió mới vào lớp học, vào nhiệt huyết nghề nghiệp của giáo viên và vào cả tinh thần hăng say học tập của học viên để mang lại hiệu quả giáo dục cao.

PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A2.

1. Giới thiệu các bộ phận chủ yếu của xe

- Giáo cụ: tranh vẽ, chiếu slide, mô hình xe mô tô, xe mô tô;
- Trước khi vào bài học, giáo viên giới thiệu vị trí, tác dụng, cách sử dụng các bộ phận chủ yếu của xe mô tô: Khóa điện, đèn hiển thị trạng thái (vị trí số: N, 1, 2, 3, 4, 5; cảnh báo dầu bôi trơn động cơ; nước làm mát, đèn hiển thị hướng bật đèn báo rẽ ...), đồng hồ hiển thị tốc độ, đồng hồ hiển thị vòng quay động cơ, đồng hồ hiển thị mức nhiên liệu, các công tắc (công tắc khởi động động cơ, công tắc đèn báo rẽ, công tắc đèn chiếu sáng, công tắc còi, công tắc dừng máy nhanh ...), tay ga, tay phanh, tay đóng ngắt ly hợp hay còn được gọi là tay côn (đối với xe đóng ngắt ly hợp bằng tay), gương chiếu hậu, le gió, nắp bình nhiên liệu, phanh chân, bàn đạp chuyển số, bàn đạp để chân cho người lái và người ngồi sau ...
- Giáo viên vừa giới thiệu công dụng vừa thực hiện động tác sử dụng;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên giới thiệu các bộ phận của xe, công dụng và thực hiện các thao tác sử dụng;
- Yêu cầu đạt được: học sinh nắm được vị trí, công dụng và biết cách sử dụng các bộ phận chủ yếu của xe.

2. Kiểm tra xe trước khi sử dụng:

- Giáo cụ: tranh vẽ, chiếu slide, xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu vị trí, tác dụng các bộ phận: nhiên liệu, phanh, lốp, đèn, bánh xe, xích, tải, động cơ, ắc quy, gương, tay đóng mở ly hợp (tay côn);
- Giáo viên thực hiện các động tác kiểm tra: giáo viên vừa giới thiệu bộ phận vừa thực hiện các thao tác kiểm tra;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên giới thiệu các bộ phận của xe và thực hiện các thao tác kiểm tra;
- Giáo viên quan sát học viên và kịp thời uốn nắn, sửa chữa các thao tác sai của học viên.

- Yêu cầu đạt được: học viên nắm được vị trí, công dụng và biết cách kiểm tra các bộ phận của xe.

3. Tư thế ngồi lái xe

- Giáo cụ: mũ bảo hiểm, tranh vẽ, chiếu slide, xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu mũ bảo hiểm và thực hiện thao tác đội mũ bảo hiểm;
- Giáo viên thực hiện thao tác lên xe (xe đang ở trạng thái đỗ và được dựng chân chống chính), ngồi vào vị trí lái xe và giới thiệu vị trí: mắt nhìn, vai, khuỷu tay, bàn tay, hông, đầu gối, bàn chân;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác, quan sát các học viên thực hiện thao tác và kịp thời uốn nắn, sửa chữa các thao tác sai của học viên.
- Yêu cầu đạt được: học viên nắm được vị trí, ngồi đúng tư thế khi lái xe thực hiện các thao tác thoải mái, chính xác.

4. Các thao tác khi lên và xuống xe

- Giáo cụ: xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác lên xe, xuống xe;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện cá thao tác lên xe: giữ thẳng xe, tay bóp phanh, gạt chân chống phụ, kiểm tra an toàn phía sau, ngồi lên xe;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác xuống xe: Tắt máy, chuyển số về số 1, bóp phanh tay, kiểm tra an toàn phía sau, xuống xe, dựng chân chống;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác, quan sát và kịp thời uốn nắn khi học viên thực hiện sai.
- Yêu cầu đạt được: học viên nắm được vị trí, thực hiện đúng thao tác.

5. Kỹ năng lái xe cơ bản

a) Vào đường vòng, rẽ

- Giáo cụ: hình vẽ, chiếu slide, chiếu video clip, xe mô tô;

- Giáo viên dùng hình vẽ, slide, video clip giới thiệu các thao tác khi vào đường vòng, rẽ: cách sử dụng tay lái, sử dụng ga, phanh, dịch chuyển trọng tâm để cân bằng với lực ly tâm (cân bằng xe+người);
- Giáo viên sử dụng xe mô tô thực hiện các động tác vào đường vòng, rẽ;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các động tác vào đường vòng, rẽ;
- Giáo viên quan sát và kịp thời uốn nắn, sửa chữa khi học viên thực hiện sai động tác.
 - Yêu cầu đạt: học viên nắm được các thao tác sử dụng: ga, phanh, cân bằng trọng tâm, lái và thực hiện được các thao tác.

b) Kỹ thuật phanh

- Giáo cụ: hình vẽ, chiếu slide, chiếu video clip, xe mô tô;
- Giáo viên dùng hình vẽ, slide, video clip giới thiệu các thao tác khi phanh;
- Giáo viên sử dụng xe mô tô thực hiện trình tự các động tác phanh;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện trình tự các động tác phanh;
- Giáo viên quan sát và kịp thời uốn nắn, sửa chữa khi học viên thực hiện sai động tác.
 - Yêu cầu đạt được: học viên nắm được trình tự phanh các thao tác sử dụng: ga, phanh

c) Giữ thăng bằng xe

- Giáo cụ: hình vẽ, chiếu slide, chiếu video clip, xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác giữ thăng bằng: khi đi chậm, khi đi trên đường gồ ghề, khi vào đường vòng;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác giữ thăng bằng khi đi chậm, khi đi trên đường gồ ghề, khi vào đường vòng;
- Giáo viên quan sát và kịp thời uốn nắn, sửa chữa khi học viên thực hiện sai động tác.
 - Yêu cầu đạt được: học viên nắm được các kỹ năng sử dụng: ga, phanh, sử dụng số, lái để giữ thăng bằng.

d) Lên, xuống dốc

- Giáo cụ: hình vẽ, chiếu slide, chiếu video clip, xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác khi lái xe lên dốc: Kiểm tra an toàn, giảm ga & bóp côn, chuyển về số thấp; Tỳ phanh sau để giữ xe chạy ổn định, giữ đều ga và nhả côn, kiểm tra an toàn phía trước, xung quanh. Tăng ga, nhả phanh sau
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác khi lái xe lên dốc;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác khi lái xe xuống dốc: Giảm hết ga, nhả côn hoàn toàn; Người hơi ngả ra phía sau, đệm phanh để kiểm soát tốc độ; Tăng dần lực phanh để dừng xe & bóp hết côn;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác khi lái xe xuống dốc;
- Giáo viên quan sát và kịp thời uốn nắn, sửa chữa khi học viên thực hiện sai động tác.
 - Yêu cầu đạt được: học viên nắm được các kỹ năng sử dụng: ga, phanh, sử dụng số, lái khi lên và xuống dốc.

e) Lái xe từ đường nhỏ ra đường lớn

- Giáo cụ: hình vẽ, chiếu slide, chiếu video clip, xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác khi lái xe từ đường nhỏ ra đường lớn: Kiểm tra an toàn phía sau và hai bên bằng cách quan sát qua gương và quay đầu nhìn qua vai; Bật đèn xi nhan báo hiệu hướng rẽ cho các phương tiện khác biết; Giảm dần tốc độ; Dừng lại tại giao lộ, nếu cần (đặc biệt là giao lộ khuất tầm nhìn) để xác nhận an toàn phía sau, bên trái, bên phải, hướng đi đến và chủ động nhường đường cho các xe đang đi trên đường lớn hoặc đường ưu tiên.

Chú ý:

- + Không rẽ trái nếu đường lớn hoặc đường ưu tiên có vạch kẻ liền;
- + Chỉ gia nhập đường lớn hoặc đường ưu tiên khi đã đảm bảo an toàn.

Quy định về nhường đường

Xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới (Điều 24 khoản 3 Luật GTĐB)

- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác đi từ đường nhỏ ra đường lớn;
- Giáo viên quan sát và kịp thời uốn nắn, sửa chữa khi học viên thực hiện sai động tác.
 - Yêu cầu đạt được: học viên nắm được các kỹ năng sử dụng: ga, phanh, sử dụng số, lái.

f) Vượt xe

- Giáo cụ: hình vẽ, chiếu slide, chiếu video clip, xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác khi lái xe vượt xe khác: Duy trì tốc độ ổn định ở phía sau xe định vượt, giữ khoảng cách an toàn với xe định vượt; Kiểm tra an toàn phía trước; Kiểm tra an toàn phía sau qua gương và quay đầu nhìn hai bên qua vai; Bật đèn xi - nhan trái báo hiệu chuyển hướng và dịch chuyển dần sang bên trái; Kiểm tra an toàn một lần nữa khi xe phía trước đã nhường đường; Tăng tốc độ để vượt, giữ khoảng cách an toàn 2m bề ngang; Trong khi vượt, dùng còi để báo hiệu cho xe bị vượt biết; Sau khi vượt xe, bật xin - nhan để xin đường bên phải, kiểm tra an toàn xung quanh và chuyển hướng dần về bên phải.
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác vượt xe;
- Giáo viên quan sát và kịp thời uốn nắn, sửa chữa khi học viên thực hiện sai động tác.
 - Yêu cầu đạt được: học viên nắm được các kỹ năng sử dụng: ga, phanh, sử dụng số, lái.

6. Thực hành các kỹ năng lái xe cơ bản: Bài lái xe trong hình số 3, số 8, lái xe thẳng, lái xe trong hình có vạch cản, lái xe qua đường gồ ghề

- Giáo cụ: hình vẽ, chiếu slide, chiếu video clip, xe mô tô, sân tập lái
- Giáo viên giới thiệu về bốn bài thi, kỹ năng cần thiết khi tiến qua các hình thi, phương pháp an toàn, bảo hiểm khi luyện tập
- Giáo viên thực hiện mẫu qua bốn bài thi
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;

- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện 04 bài thi và quan sát, uốn nắn, sửa chữa những động tác sai của học viên.

- Yêu cầu đạt được: học viên hiểu và thực hiện được các bài thi theo yêu cầu.

PHẦN III: PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LÁI XE HẠNG A3, A4.

1. Giới thiệu các bộ phận chủ yếu của xe

- Giáo cụ: tranh vẽ, chiếu slide, mô hình xe mô tô ba bánh, xe mô tô ba bánh, máy kéo nhỏ;
- Trước khi vào bài học, giáo viên giới thiệu vị trí, tác dụng, cách sử dụng các bộ phận chủ yếu của xe mô tô ba bánh, máy kéo nhỏ: Khóa điện, đèn hiển thị trạng thái (vị trí số: N, 1, 2, 3, 4, 5; cảnh báo dầu bôi trơn động cơ; nước làm mát, đèn hiển thị hướng bật đèn báo rẽ ...), đồng hồ hiển thị tốc độ, đồng hồ hiển thị vòng quay động cơ, đồng hồ hiển thị mức nhiên liệu, các công tắc (công tắc khởi động động cơ, công tắc đèn báo rẽ, công tắc đèn chiếu sáng, công tắc còi, công tắc dừng máy nhanh ...), tay ga, tay phanh, tay đóng ngắt ly hợp hay còn được gọi là tay côn (đối với xe đóng ngắt ly hợp bằng tay), gương chiếu hậu, le gió, nắp bình nhiên liệu, phanh chân, bàn đạp chuyển số, bàn đạp để chân cho người lái và người ngồi sau ...
- Giáo viên vừa giới thiệu công dụng vừa thực hiện động tác sử dụng;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên giới thiệu các bộ phận của xe, công dụng và thực hiện các thao tác sử dụng;
- Yêu cầu đạt được: học sinh nắm được vị trí, công dụng và biết cách sử dụng các bộ phận chủ yếu của xe.

2. Kiểm tra xe trước khi sử dụng:

- Giáo cụ: tranh vẽ, chiếu slide, xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu vị trí, tác dụng các bộ phận: nhiên liệu, phanh, lốp, đèn, bánh xe, xích, tải, động cơ, ắc quy, gương, tay đóng mở ly hợp (tay côn);

- Giáo viên thực hiện các động tác kiểm tra: giáo viên vừa giới thiệu bộ phận vừa thực hiện các thao tác kiểm tra;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên giới thiệu các bộ phận của xe và thực hiện các thao tác kiểm tra;
- Giáo viên quan sát học viên và kịp thời uốn nắn, sửa chữa các thao tác sai của học viên.
- Yêu cầu đạt được: học viên nắm được vị trí, công dụng và biết cách kiểm tra các bộ phận của xe.

3. Tư thế ngồi lái xe

- Giáo cụ: mũ bảo hiểm, tranh vẽ, chiếu slide, xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu mũ bảo hiểm và thực hiện thao tác đội mũ bảo hiểm;
- Giáo viên thực hiện thao tác lên xe (xe đang ở trạng thái đỗ và được dựng chân chống chính), ngồi vào vị trí lái xe và giới thiệu vị trí: mắt nhìn, vai, khuỷu tay, bàn tay, hông, đầu gối, bàn chân;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác, quan sát các học viên thực hiện thao tác và kịp thời uốn nắn, sửa chữa các thao tác sai của học viên.
- Yêu cầu đạt được: học viên nắm được vị trí, ngồi đúng tư thế khi lái xe thực hiện các thao tác thoải mái, chính xác.

4. Các thao tác khi lên và xuống xe

- Giáo cụ: xe mô tô;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác lên xe, xuống xe;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác lên xe: giữ thẳng xe, tay bóp phanh, gạt chân chống phụ, kiểm tra an toàn phía sau, ngồi lên xe;
- Trên nguyên tắc lấy học viên làm trung tâm và giáo viên chỉ là người dẫn dắt;
- Giáo viên giới thiệu và thực hiện các thao tác xuống xe: Tắt máy, chuyển số về số 1, bóp phanh tay, kiểm tra an toàn phía sau, xuống xe, dựng chân chống;

- Giáo viên yêu cầu học viên thực hiện các thao tác, quan sát và kịp thời uốn nắn khi học viên thực hiện sai.
- Yêu cầu đạt được: học viên nắm được vị trí, thực hiện đúng thao tác.